

V/v báo cáo kết quả chuyển đổi số
năm 2024, nội dung kế hoạch
chuyển đổi số ngành giáo dục năm 2025

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông Quảng Ninh

Thực hiện Công văn số 2863/UBND-NC ngày 04/10/2024 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh về việc xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Nghị quyết 09); Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 01/3/2022 của UBND tỉnh Chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Kế hoạch 59) và các văn bản chỉ đạo của tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) báo cáo kết quả thực hiện năm 2024, nội dung kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 cụ thể như sau:

Phần I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU NĂM 2024

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được

- Sở GDĐT đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 276/KH-UBND ngày 10/11/2023 về tăng cường ứng dụng Công nghệ thông tin (CNTT) và thúc đẩy chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030 của UBND tỉnh (Kế hoạch 276)¹.

- Ban hành các văn bản chỉ đạo và triển khai thực hiện: Kế hoạch số 3625/KH-SGDĐT ngày 11/12/2023 về tăng cường ứng dụng CNTT và thúc đẩy chuyển đổi số ngành Giáo dục giai đoạn 2023 – 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 842/KH-SGDĐT ngày 19/3/2024 về thực hiện nhiệm vụ Chuyển đổi số ngành Giáo dục năm 2024; Kế hoạch số 843/KH-SGDĐT ngày 19/3/2024 về triển khai Hệ thống Quản lý trường học trực tuyến tích hợp tuyển sinh liên thông đầu cấp trực tuyến và xây dựng Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục tỉnh Quảng Ninh theo hình thức thuê dịch vụ CNTT cho Sở GDĐT, 13 phòng GDĐT, tất cả các cơ sở giáo dục (CSGD) mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh năm 2024 và năm 2025; Quyết định số 353/QĐ-SGDĐT ngày 16/02/2022 về việc thành lập Ban Chuyển đổi số Sở GDĐT và Quyết định số 1677/QĐ-SGDĐT

¹ Căn cứ văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030”.

ngày 07/12/2023 kiện toàn Ban Chuyển đổi số Sở GDĐT; Quyết định số 330/QĐ-SGDĐT ngày 09/4/2024 về việc thành lập tổ giúp việc Chuyển đổi số ngành Giáo dục đến năm 2025; Kế hoạch số 1154/KH-SGDĐT ngày 11/4/2024 về việc triển khai thí điểm Học bạ số cấp Tiểu học; Công văn số 3571/SGDĐT-VP ngày 08/12/2023 về việc hướng dẫn triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số của các CSGD theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT. Triển khai các chỉ đạo về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục năm học 2024 – 2025, việc tổ chức dạy học trực tuyến, dạy học tích hợp². Ngoài ra Sở còn ban hành nhiều văn bản liên quan đến thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số³.

- Xác định nhiệm vụ tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số tạo đột phá trong đổi mới hoạt động GDĐT; đã cụ thể hóa các tiêu chí nhằm đẩy mạnh việc đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số; đổi mới phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với mỗi nhà trường, mỗi phòng GDĐT, mỗi nhà giáo, mỗi người học; nâng cao chất lượng quản lý, điều hành dựa trên công nghệ và dữ liệu, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng cung cấp dịch vụ hỗ trợ của cơ quan quản lý và các CSGD.

- Tạo điều kiện cho các CSGD thực hiện chuyển đổi số, tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị Quyết số 34/2021/NQ-HĐND quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các CSGD mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, trong đó có quy định khoản thu chi phí sử dụng dịch vụ điện tử quản lý học sinh, xây dựng trường học thông minh, lớp học thông minh theo Đề án được phê duyệt. Nghị quyết là cơ sở pháp lý để CSGD trên địa bàn tỉnh thực hiện các hoạt động thu phục vụ chuyển đổi số và ứng dụng CNTT một cách minh bạch, hiệu quả.

- Xây dựng các văn bản triển khai, tổ chức thực hiện và thực hiện đánh giá mức độ chuyển đổi số của CSGD phổ thông và giáo dục thường xuyên theo Bộ chỉ số do Bộ GDĐT ban hành. Việc thực hiện Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển

² 2976/SGDĐT-GDPT ngày 17/09/2024 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục năm học 2024 – 2025;

3101/SGDĐT-GDPT ngày 30/09/2024 V/v tổ chức dạy học trực tuyến đối với giáo dục tiểu học từ năm học 2024-2025;

3156/SGDĐT-GDPT ngày 03/10/2024 Về việc triển khai dạy học tích hợp ứng dụng tiến bộ của công nghệ vào dạy học trực tuyến kết hợp với dạy học truyền thống.

³ Kế hoạch số 84/KH-SGDĐT ngày 11/01/2023 hỗ trợ, thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2023 Công văn số 2460/SGDĐT-GDPT ngày 28/8/2023 về việc tăng cường trách nhiệm quản lý, vận hành và khai thác sử dụng thiết bị, phần mềm dạy học;

2350/SGDĐT-GDPT ngày 07/9/2023 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2023-2024;

3163/SGDĐT-VP ngày 09/11/2023 về việc tiếp tục tăng cường khai thác hiệu quả thiết bị, hệ thống LMS, phòng học, phòng điều hành của dự án ứng dụng CNTT tiên tiến và dự án trường học thông minh đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và nâng cao chất lượng giáo dục.

đổi số trong các CSGD từ năm học 2023 – 2024 có ý nghĩa và tầm quan trọng trong việc đánh giá thực chất kết quả thực hiện chuyển đổi số đối với từng CSGD; qua đó nhằm phát hiện các điển hình, mô hình chuyển đổi số làm tốt để nhân rộng, tạo phong trào thực hiện chuyển đổi số trong toàn ngành.

b) Tồn tại, hạn chế: Việc thực hiện mục tiêu chuyển đổi số của một số CSGD được kiểm tra còn chậm và chưa đạt hiệu quả cao. Một số đơn vị chưa xây dựng kế hoạch chuyển đổi số chi tiết, dẫn đến việc thực hiện chuyển đổi số còn thiếu sự đồng bộ và hiệu quả.

2. Việc tổ chức tuyên truyền, quán triệt, sơ kết đánh giá việc triển khai thực hiện

- Đảng ủy Sở GDĐT đã nghiêm túc tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền các nội dung của Nghị quyết 09, Kế hoạch 59, Kế hoạch 276 thông qua tổ chức Hội nghị, các cuộc họp chuyên môn, sinh hoạt chi bộ để triển khai nhiệm vụ đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan Sở.

- Sở GDĐT đã tổ chức Hội nghị trực tiếp toàn ngành về quán triệt, triển khai tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số theo Nghị quyết 09 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 276 của UBND tỉnh; tổ chức các Hội nghị tập huấn chuyên đề về thực hiện chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt, triển khai học bạ số cấp tiểu học...; Đồng thời, viết nhiều tin bài tuyên truyền về thực hiện chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử Sở GDĐT.

- Ban Chuyển đổi số của Sở GDĐT do đồng chí Giám đốc Sở làm Trưởng ban ít nhất họp 01/tháng, để thực hiện kiểm đếm tiến độ triển khai thực hiện nhiệm vụ theo các nhiệm vụ, kế hoạch đề ra; đồng thời gắn việc kiểm tra chuyên môn lồng ghép với nội dung nhiệm vụ chuyển đổi số để đánh giá tình hình triển khai thực hiện.

b) Tồn tại, hạn chế

- Một số lãnh đạo CSGD chưa sâu sát và quyết tâm trong việc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, việc thực hiện các mục tiêu chuyển đổi số còn chậm và chưa đạt hiệu quả.

- Việc kiểm tra, giám sát các hoạt động chuyển đổi số còn chưa thường xuyên và kịp thời, khiến việc phát hiện các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai chậm trễ, dẫn đến hạn chế trong việc đưa ra các giải pháp khắc phục.

- Việc đánh giá hiệu quả hoạt động chuyển đổi số tại các đơn vị còn thiếu các biện pháp cụ thể và hệ thống, gây khó khăn trong việc xác định được mức độ hoàn thành và hiệu quả thực tế của các hoạt động chuyển đổi số.

2. Về quy trình quản lý và điều hành số trong giáo dục

a) Kết quả đạt được

- Trong năm 2024, căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch của cấp trên, Sở GDĐT đã ban hành theo thẩm quyền các văn bản, kế hoạch nhằm thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành giáo dục tỉnh, triển khai xây dựng các kế hoạch, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ thực hiện công tác chuyển đổi số trong giáo dục⁴.

- Thành lập ban chỉ đạo và tổ giúp việc chuyển đổi số ngành Giáo dục đến năm 2025, đảm bảo việc chỉ đạo và giám sát các hoạt động chuyển đổi số⁵.

- Các phòng GDĐT và CSGD đã xây dựng kế hoạch chuyển đổi số, tổ chức tự đánh giá và đánh giá ngoài mức độ chuyển đổi số theo Bộ chỉ số chuyển đổi số của Bộ GDĐT. Đánh giá nhằm xác định các mô hình chuyển đổi số thành công để nhân rộng và tạo phong trào thực hiện chuyển đổi số trong toàn ngành. Sở GDĐT đã tổ chức Hội nghị tập huấn và hướng dẫn thực hiện công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài mức độ chuyển đổi số với sự tham gia của lãnh đạo các CSGD trong toàn tỉnh.

- Các CSGD đã triển khai kế hoạch mua sắm, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo các yêu cầu về kết nối internet và an toàn thông tin trong các hoạt động giảng dạy và quản lý.

- Tiếp tục phát triển phần mềm quản lý trường học, cơ sở dữ liệu giáo dục, và thực hiện số hóa tài liệu học liệu số để phục vụ công tác giảng dạy và quản lý.

b) Tồn tại, hạn chế

- Nhận thức về vai trò của chuyển đổi số chưa được đầy đủ tại một số CSGD và Phòng GDĐT, lãnh đạo ở một số đơn vị chưa sâu sát, thiếu quyết tâm trong việc triển khai chuyển đổi số, dẫn đến tiến độ thực hiện còn chậm.

- Một số cán bộ quản lý và giáo viên còn tâm lý ngại thay đổi, chưa chủ động học hỏi và áp dụng công nghệ mới trong công việc.

- Việc triển khai tự đánh giá và đánh giá ngoài mức độ chuyển đổi số của các CSGD còn thiếu quyết liệt, một số đơn vị chưa thực hiện đầy đủ các tiêu chí đánh giá hoặc thực hiện không đúng quy trình.

3. Hạ tầng số

a) Kết quả đạt được

- 100% các CSGD có kết nối internet tốc độ cao, đảm bảo yêu cầu về kết nối

⁴ 276/KH-UBND ngày 10/11/2023 về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 3625/KH-SGDĐT ngày 11/12/2023 về tăng cường ứng dụng CNTT và thúc đẩy chuyển đổi số ngành Giáo dục giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch này cụ thể hóa các chỉ đạo của tỉnh và Bộ Giáo dục nhằm tạo đột phá trong đổi mới hoạt động giáo dục và quản lý nhà trường; Kế hoạch số 842/KH-SGDĐT ngày 19/3/2024 đề ra các nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành giáo dục trong năm 2024; Kế hoạch số 843/KH-SGDĐT ngày 19/3/2024 về triển khai hệ thống quản lý trường học trực tuyến và xây dựng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục theo hình thức thuê dịch vụ CNTT, áp dụng cho tất cả các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

⁵ Quyết định số 353/QĐ-SGDĐT ngày 16/02/2022 về việc thành lập Ban Chuyển đổi số của Sở GDĐT, và Quyết định số 1677/QĐ-SGDĐT ngày 07/12/2023 kiện toàn Ban Chuyển đổi số Sở GDĐT; Quyết định số 330/QĐ-SGDĐT ngày 09/4/2024 thành lập tổ giúp việc chuyển đổi số ngành Giáo dục đến năm 2025.

mạng phục vụ cho các giao dịch điện tử, trao đổi thông tin và khai thác internet trong các hoạt động giảng dạy và quản lý. Các phòng máy tính được trang bị để phục vụ giảng dạy môn Tin học và các hoạt động chuyên môn của nhà trường. Xây dựng phòng studio phục vụ việc tạo lập học liệu số và dạy học trực tuyến, bao gồm các thiết bị như máy tính, thiết bị phụ trợ, và phần mềm cần thiết.

- 100% các CSGD triển khai hệ thống phần mềm quản lý học sinh (hồ sơ, kết quả học tập), quản lý đội ngũ cán bộ, cơ sở vật chất, thông tin y tế, sức khỏe học sinh, và thông tin tài chính của nhà trường. Tất cả các CSGD đều sử dụng nền tảng quản lý trường học trực tuyến, đảm bảo kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục của Bộ GDĐT. Hệ thống quản lý được tích hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu ngành GDĐT, đảm bảo việc cập nhật và khai thác thông tin theo thời gian thực.

- 100% trường phổ thông cấp tiểu học đã tham gia thí điểm học bạ số, với 99.82% học sinh được cập nhật thông tin đầy đủ trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục. Học bạ số được phát hành và có thể tra cứu thông qua cổng học bạ số của Sở GDĐT, đảm bảo bảo mật theo tiêu chuẩn cấp độ 3 về an toàn thông tin.

- 100% các CSGD được tập huấn về thư viện số và quản lý học liệu số, bao gồm sách giáo khoa điện tử và các tài nguyên phục vụ giảng dạy. Các kho học liệu số được sử dụng và chia sẻ rộng rãi giữa các trường.

b) Tồn tại, hạn chế: Hạ tầng CNTT ở một số CSGD chưa đồng bộ và đã xuống cấp, công tác đầu tư cho an toàn thông tin còn hạn chế, chưa có sự quan tâm đúng mức của nhiều CSGD trong việc đảm bảo bảo mật dữ liệu và an toàn trên môi trường số. Thiếu nhân sự chuyên trách có kỹ năng về CNTT và chuyển đổi số trong các CSGD, khiến việc khai thác và sử dụng hệ thống gặp nhiều khó khăn.

4. Về công tác bồi dưỡng, phát triển nhân lực

a) Kết quả đạt được

- Tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, sử dụng chữ ký số, xử lý hồ sơ công việc trên phần mềm chính quyền điện tử cho 100% công chức, người lao động của Sở GDĐT và Lãnh đạo, cán bộ cốt cán của 59 CSGD trực thuộc thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số hướng tới chính phủ số.

- Triển khai mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật (giáo dục STEM/STEAM); phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp; đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số⁶.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu các kiến thức về chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức trên nền tảng đào tạo trực tuyến MOOCs

⁶ Một số lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số (Lĩnh vực giáo dục – đào tạo của Nghị quyết 09-NQ/TU).

cho 20 cán bộ nòng cốt về CNTT của Sở để làm hạt nhân hướng dẫn, chuyển giao các kỹ năng chuyển đổi số cho các công chức của Sở; triển khai khóa học trực tuyến cho giáo viên phổ thông toàn ngành.

- Xây dựng các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng ứng dụng CNTT và truyền thông trong công tác giảng dạy và học tập, xây dựng học liệu số, số hóa tài liệu, xây dựng bài giảng, ngân hàng câu hỏi kiểm tra đánh giá nhằm góp phần nâng cao hiệu quả học tập, giảng dạy tại các CSGD. Thực hiện bồi dưỡng nội dung chương trình ETEP theo hình thức trực tuyến kết hợp với trực tiếp, đảm bảo 100% giáo viên tham gia giảng dạy đều được bồi dưỡng, tập huấn chương trình GDPT 2018.

- Sở GDĐT phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tích cực triển khai các khóa bồi dưỡng về kiến thức Chuyển đổi số trên nền tảng MOOCs của Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng.

- 150 GV cấp THCS, THPT tham gia tập huấn năng lực tổ chức Dạy học trực tuyến do Bộ GDĐT tổ chức; Tổ chức tập huấn 240 giáo viên cốt cán cấp THCS, THPT về Ứng dụng CNTT trong dạy học; Tổ chức tập huấn cho 200 CBQL cấp THCS, THPT nội dung Giáo dục STEM/STEAM và Tổ chức dạy học trực tuyến; Tổ chức tập huấn trực tuyến cho 4280 Giáo viên cấp THCS, THPT về năng lực xây dựng bài giảng UDCNTT và tổ chức dạy học trực tuyến; Tổ chức tập huấn xây dựng bài giảng và sử dụng LMS xây dựng hệ thống bài giảng phục vụ hoạt động dạy và học: 350 GV cốt cán (104 GV tiểu học, 196 GV THCS, 52 GV THPT); gần 1.300 CBQL và giáo viên cấp tiểu học ở các cấp ở địa phương.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được định kỳ hằng năm tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số, kỹ năng số; trong đó 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích, xử lý dữ liệu bằng các công cụ số. Đăng ký, tham gia các khóa bồi dưỡng về chuyển đổi số trên Nền tảng học trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh tổ chức. Đợt 1 năm 2024 có 15 cán bộ Sở tham gia bồi dưỡng chương trình nâng cao, đã hoàn thành tập huấn.

- Toàn ngành đạt 96,3% các CSGD phổ thông triển khai mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật⁷.

- Sở GDĐT phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai khóa học “Giảng dạy kỹ năng số và An toàn Internet dành cho giáo viên” và “Làm bạn cùng con trên môi trường số dành cho phụ huynh” với số lượng tham gia đông: 13.670/14.569 học viên (chiếm 93.83%). Tất cả các CSGD đều tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về CDS cho CB, GV, NV trong năm 2023. Cử đại diện lãnh đạo Sở và lãnh đạo cấp phòng phụ trách công tác đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng và chuyên viên tham gia lớp tập huấn công tác đảm bảo an ninh mạng, an toàn

⁷ Nghị quyết 09-NQ/TU.

thông tin do UBND tỉnh tổ chức (riêng năm 2023 có 04 lượt cán bộ tham gia tập huấn cấp tỉnh).

b) Tồn tại, hạn chế

- Các chương trình tập huấn, bồi dưỡng về Chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông⁸ xây dựng hiện nay chỉ có các chuyên đề chung: Khung kỹ năng số cơ bản; Kỹ năng an toàn số; Quản trị dữ liệu, Dữ liệu số, Dữ liệu mở, ...

- Đối với các khóa tập huấn, bồi dưỡng cho các nội dung chuyên môn thuộc lĩnh vực giáo dục chưa được xây dựng, Bộ GDĐT chưa ban hành các khóa trực tuyến do đó các nội dung chuyển đổi số chuyên sâu dành riêng cho từng cấp học chưa tổ chức tập huấn được, chờ chỉ đạo của Bộ GDĐT.

- Việc triển khai thực hiện các nội dung được tập huấn đối với các CSGD còn hạn chế, chưa có kết quả rõ rệt, một số CSGD chưa quyết liệt trong triển khai và đánh giá các kết quả tồn tại, hạn chế.

5. Dữ liệu số

a) Kết quả đạt được

- Hệ thống CSDL ngành GDĐT tỉnh được thiết kế tuân thủ đầy đủ các quy định kỹ thuật về dữ liệu theo Quyết định số 4998/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ GDĐT. Hệ thống kết nối và chia sẻ dữ liệu với CSDL toàn ngành của Bộ GDĐT thông qua các giao diện lập trình ứng dụng (API), giúp các CSGD không phải nhập liệu trên nhiều hệ thống khác nhau. Sở GDĐT đã ban hành các văn bản chỉ đạo và thực hiện nhiều giải pháp để thu thập, rà soát, đối sánh dữ liệu người học trên hệ thống CSDL ngành GDĐT với CSDL Quốc gia về dân cư và tái sử dụng dữ liệu trong các công tác quản lý cũng như chuyên môn như tuyển sinh đầu cấp, dạy học trên nền tảng số, khảo sát năng lực học sinh ... Công tác này giúp đảm bảo dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống” và từng bước đưa mã định danh cá nhân (MĐDCN) trở thành mã định danh duy nhất trong công tác quản lý và công tác chuyên môn của ngành GDĐT tỉnh. Hệ thống CSDL ngành GDĐT đã được kết nối với hệ thống CSDL dân cư quốc gia do Bộ Công An quản lý thông qua CSDL của Bộ GDĐT. Thông qua kết nối, dữ liệu cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, học viên thuộc quản lý của ngành GDĐT tỉnh được cập nhật các thông tin cơ bản như: họ và tên, ngày tháng năm sinh, họ tên cha, họ tên mẹ sẽ được hệ thống tự rà soát và bổ sung MĐDCN vào CSDL ngành cũng như đối soát những dữ liệu chưa chính xác để cảnh báo cho đơn vị rà soát, cập nhật, bổ sung⁹.

⁸ Công văn số 6106/BTTTT-CĐSQG ngày 08/12/2023 về triển khai các khóa bồi dưỡng về chuyển đổi số.

⁹ Thực hiện nhiệm vụ của ngành, Sở GDĐT xây dựng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, tất cả các cơ sở giáo dục từ cấp mầm non đến cấp trung học phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên triển khai thực hiện công tác quản lý, khai thác cập nhật phần mềm trực tuyến tại địa chỉ <http://qlth.quangninh.edu.vn>. Đồng bộ kết nối với cơ sở dữ liệu ngành của Bộ GDĐT tại địa chỉ <https://csdl.moet.gov.vn> thông qua cổng kết nối <https://dongbo.csdl.edu.vn>.

- Yêu cầu các CSGD thực hiện quản lý cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số.

- Nhằm nâng cao chất lượng phục vụ công đối với lĩnh vực giáo dục cần đẩy mạnh Chuyển đổi số, đặc biệt là số hóa sổ gốc cấp văn bằng, chứng chỉ.

- Hoàn thành xây dựng 100% các cơ sở dữ liệu của ngành giáo dục. Đã số hóa dữ liệu của gần 591 CSGD mầm non và nhóm trẻ độc lập, 155 trường tiểu học, 186 trường THCS, 59 trường THPT và 14 trung tâm GDTX, 392.973 hồ sơ giáo viên và học sinh.

- 100% các trường từ tiểu học đến trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh triển khai sổ điểm, học bạ điện tử. 100% học sinh và giáo viên được cập nhật thông tin trên hệ thống quản lý của ngành.

- Số giáo viên, học sinh và trẻ mầm non được cập nhật đầy đủ thông tin 382.309/391.317 (97,70%), số chưa cập nhật hoàn chỉnh: 9.008/391.317, chiếm 2,3%, trong đó trẻ mầm non chưa cập nhật 8.063 trẻ (2,06%); Số định danh cá nhân đã được xác thực với cơ sở DLQG: 371.913/391.317. Số học sinh tiểu học chưa xác thực định danh cá nhân 2.583 chiếm 2,04% học sinh tiểu học.

- 100% CSGD mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên sử dụng các phần mềm về quản lý tài chính, tài sản và các phần mềm quản lý khác về bảo hiểm xã hội, thuế do các đơn vị có thẩm quyền trên địa bàn triển khai thực hiện.

- 100% CSGD thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số. 100% các CSGD triển khai chữ ký số cho CBQL, các đầu mối thực hiện nhiệm vụ. 100% CSGD phổ thông, thường xuyên sử dụng cơ sở dữ liệu ngành để phục vụ công tác báo cáo, lập kế hoạch: khai thác, thực hiện.

b) Tồn tại, hạn chế

- Cấp học mầm non có tỉ lệ hoàn thành xác minh với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thấp là do cấp học này số trẻ đến lớp trong năm học có nhiều biến động, thời gian học tại trường không ổn định, nhiều trẻ học thời gian ngắn lại thay đổi nơi học, thường xuyên thay đổi chuyển trường vì vậy thông tin của trẻ chưa được cập nhật kịp thời.

- Số lượng văn bằng chứng chỉ của toàn ngành từ giai đoạn trước đến hiện nay số lượng nhiều, nhiều văn bản cũ, nhiều bản lưu không còn nguyên vẹn còn gây khó khăn cho công tác cập nhật, số hóa thông tin.

6. An toàn thông tin mạng

a) Kết quả đạt được

- Sở GDĐT đã tổ chức tuyên truyền và tập huấn nhằm nâng cao nhận thức cho các cán bộ, giáo viên và học sinh về an toàn thông tin, đồng thời phối hợp chặt chẽ với Tiểu ban an toàn, an ninh mạng của tỉnh.

- Năm 2024, cử cán bộ tham dự Hội nghị tập huấn hướng dẫn tuân thủ quy định

pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ 2024¹⁰.

- Toàn bộ hệ thống cơ sở dữ liệu của ngành giáo dục Quảng Ninh được liên thông với cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia và được bảo vệ theo quy định cấp độ 3 về an toàn hệ thống thông tin.

- 100% lãnh đạo CSGD được cấp chữ ký số để đảm bảo an toàn thông tin trong việc quản lý trực tuyến.

b) Tồn tại, hạn chế

- Nhận thức của nhiều cán bộ, giáo viên và phụ trách CNTT về việc áp dụng các biện pháp an toàn thông tin còn chưa đầy đủ, khó khăn trong việc lựa chọn, sử dụng các nền tảng học trực tuyến đảm bảo độ bảo mật cao.

- Hạ tầng CNTT phục vụ an toàn thông tin tại nhiều CSGD còn thiếu hoặc không đồng bộ. Thiết bị bảo mật, hệ thống mạng và các phần mềm chuyên biệt về an toàn thông tin còn yếu, chưa đáp ứng nhu cầu thực tế.

- Đội ngũ nhân sự có chuyên môn về an toàn thông tin và CNTT còn thiếu hụt, cán bộ giáo viên giảng dạy môn tin học và quản lý hạ tầng an toàn thông tin chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

7. Chính quyền số

a) Kết quả đạt được:

- Sở GDĐT nghiêm túc triển khai các nhiệm vụ phát triển Chính quyền số trong giáo dục, cụ thể: Triển khai dịch vụ công trực tuyến lĩnh vực giáo dục¹¹; triển khai sử dụng phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc tại địa chỉ (congchuc.quangninh.gov.vn) tới tất cả các CSGD trong toàn tỉnh; thực hiện liên thông văn bản điện tử thông suốt từ trường, phòng, Sở và các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương; thực hiện sử dụng văn bản điện tử, ký số thay thế hoàn toàn văn bản giấy. Tổ chức tập huấn hướng dẫn sử dụng phần mềm, cấp chữ ký số cho 100% lãnh đạo quản lý của các đơn vị.

- Hệ thống CSDL ngành GDĐT tỉnh được thiết kế tuân thủ đầy đủ các quy định kỹ thuật về dữ liệu theo Quyết định số 4998/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ GDĐT. Hệ thống kết nối và chia sẻ dữ liệu với CSDL toàn ngành của Bộ GDĐT thông qua các giao diện lập trình ứng dụng (API), giúp các CSGD không phải nhập liệu trên nhiều hệ thống khác nhau. Sở GDĐT đã ban hành các văn bản chỉ đạo và thực hiện nhiều giải pháp để thu thập, rà soát, đối sánh dữ liệu người học

¹⁰ 478/CATTT-ATHTTT ngày 30/03/2024 của Cục An toàn thông tin – Bộ Thông tin và Truyền thông.

¹¹ Hiện tại, tổng số TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở GDĐT là: 110 TTHC, trong đó: Số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở: 68 TTHC; Số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện: 37 TTHC; Số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã: 05 TTHC. 68 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở đều được công khai, niêm yết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Cổng thông tin điện tử thành phần Sở, trên trang: dichvucong.quangninh.gov.vn (trong đó: 60/68 TTHC thực hiện giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; 8/68 TTHC thực hiện tại các cơ sở giáo dục). 100% TTHC thực hiện giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh và tích hợp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, được triển khai tiếp nhận, trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích để các tổ chức, cá nhân thuận tiện tra cứu, khai thác, thực hiện.

trên hệ thống CSDL ngành GDĐT với CSDL Quốc gia về dân cư và tái sử dụng dữ liệu trong các công tác quản lý cũng như chuyên môn như tuyển sinh đầu cấp, dạy học trên nền tảng số, khảo sát năng lực học sinh ... đảm bảo dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống” và từng bước đưa mã định danh cá nhân (MĐDCN) trở thành mã định danh duy nhất trong công tác quản lý và công tác chuyên môn của ngành GDĐT tỉnh. Hệ thống CSDL ngành GDĐT đã được kết nối với hệ thống CSDL dân cư quốc gia do Bộ Công An quản lý thông qua CSDL của Bộ GDĐT. Thông qua kết nối này, toàn bộ dữ liệu cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, học viên thuộc quản lý của ngành GDĐT tỉnh được cập nhật các thông tin cơ bản như: họ và tên, ngày tháng năm sinh, họ tên cha, họ tên mẹ sẽ được hệ thống tự rà soát và bổ sung MĐDCN vào CSDL ngành cũng như đối soát những dữ liệu chưa chính xác để cảnh báo cho đơn vị rà soát, cập nhật, bổ sung¹².

- Tăng cường công tác rà soát, thống kê, đôn đốc cập nhật dữ liệu đối với các CSGD; phát huy vai trò của Tổ giúp việc chuyển đổi số và nhóm zalo các cán bộ đầu mối phòng GDĐT, các cơ sở để đôn đốc triển khai, định kỳ hàng tháng có cập nhật, thống kê số liệu.

- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về thực hiện Chuyển đổi số, đặc biệt là Chuyển đổi số trong giáo dục. Sở GDĐT duy trì và phát triển Cổng thông tin điện tử thành phần đáp ứng nhu cầu cung cấp, trao đổi thông tin. Tất cả các Phòng GDĐT đều có cổng thông tin riêng, nhiều trường cũng triển khai cổng thông tin riêng để đăng tải thông tin, tuyên truyền, quảng bá các hoạt động của nhà trường và thực hiện các quy định về công khai.

- Sở GDĐT tích cực chỉ đạo, tuyên truyền về an ninh mạng, an toàn thông tin. Phối hợp với Tiểu ban an toàn, an ninh mạng tổ chức Hội nghị tập huấn, hướng dẫn triển khai công tác đảm bảo an ninh mạng, an toàn thông tin năm 2023¹³ cho 50 lãnh đạo Sở, cán bộ, chuyên viên cơ quan Sở và 172 cán bộ quản lý, cán bộ phụ trách CNTT của các đơn vị trực thuộc.

- Sở GDĐT đã phối hợp với Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh tỉnh Quảng Ninh và một số ngân hàng thương mại cổ phần trên địa bàn tỉnh tổ chức Hội nghị tuyên truyền, phổ biến thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt¹⁴ cho các Phòng GDĐT và các CSGD. Các trường đã phối hợp với các ngân hàng (Agribank, Vietcombank, TPBank, BIDV...) hướng dẫn phụ huynh học sinh, học sinh, giáo viên chủ nhiệm lập tài khoản ngân hàng, cài đặt mobile Banking; mở tài khoản ngân hàng, làm thẻ ATM cho học sinh khối 11 và 12 đồng thời cấp mã cho từng

¹² Thực hiện nhiệm vụ của ngành, Sở GDĐT xây dựng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, tất cả các cơ sở giáo dục từ cấp mầm non đến cấp trung học phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên triển khai thực hiện công tác quản lý, khai thác cập nhật phần mềm trực tuyến tại địa chỉ <http://qlth.quangninh.edu.vn>. Đồng bộ kết nối với cơ sở dữ liệu ngành của Bộ GDĐT tại địa chỉ <https://csdl.moet.gov.vn> thông qua cổng kết nối <https://dongbo.csdl.edu.vn>.

¹³ Công văn số 3187/SGDĐT-VP ngày 10/11/2023.

¹⁴ Kế hoạch số 1562/KH-SGDĐT ngày 16/5/2024.

học sinh để phụ huynh nộp tiền hoặc chuyển khoản. Bố trí đầu mỗi, nhân lực phối hợp với ngân hàng để hướng dẫn, hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán học phí và các dịch vụ khác theo quy định. Tuyên truyền, phổ biến cho toàn thể cán bộ giáo viên, học sinh, phụ huynh các chủ trương thanh toán không dùng tiền mặt. Các quy định về thanh toán đóng học phí, lệ phí. Vận động thực hiện thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt.

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đối với các dịch vụ công đủ điều kiện của Sở. Có 1.332/1.332 hồ sơ giải quyết trực tuyến (năm 2023: 862, năm 2024: 933) đạt 100% hồ sơ được xử lý hoàn toàn trực tuyến.

- 100% chỉ số thống kê về giáo dục, đào tạo theo các thông tư được kết nối, chia sẻ phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, Sở GDĐT (dữ liệu ngành được kết nối với cơ sở dữ liệu chung của Bộ).

- 100% cán bộ quản lý của Sở GDĐT và các CSGD trong toàn tỉnh thực hiện ký số và xử lý văn bản qua phần mềm Quản lý văn bản của tỉnh.

- Từ đầu năm 2024 đến thời điểm hiện tại Sở GDĐT đã xử lý 34.682 văn bản đến, 4.770 văn bản đi trên Hệ thống thông tin và CSDL quản lý văn bản, 100% văn bản đi của cơ quan được áp dụng ký số (trừ các văn bản mang yếu tố mật).

- Duy trì hoạt động ổn định Cổng thông tin điện tử thành phần Sở GDĐT. Thường xuyên rà soát, cập nhật các thông tin thay đổi về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ và đăng tải các tin, bài tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử thành phần. Tổng số tin bài đã xuất bản năm 2024: 260).

- 100% các CSGD có trang thông tin truyền thông trên mạng xã hội (facebook, zalo) đảm bảo quy định, đăng tải các thông tin hoạt động của đơn vị, tấm gương người tốt, việc tốt; hoạt động giảng dạy; nhiều đơn vị có trang thông tin điện tử riêng, hoạt động tích cực và hiệu quả, là cầu nối giữa nhà trường với học sinh, phụ huynh học sinh và xã hội, mang lại hiệu quả rõ rệt¹⁵.

- 100% nhân lực công nghệ số nòng cốt của Sở và các đơn vị giáo dục được đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng.

- 100% CSGD chấp nhận thanh toán học phí bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt; 86,45% số tiền học phí của CSGD trên địa bàn đô thị và 61,26% số tiền học phí của CSGD trên địa bàn nông thôn được thanh toán bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

b) Tồn tại, hạn chế

- Việc thực hiện và xếp hạng đánh giá các chỉ số CCHC của Sở GDĐT đã được cải thiện nhưng chưa cao, nhất là chỉ số SIPAS (chỉ số hài lòng của người

¹⁵ Tiểu học Trần Quốc Hạ Long (tieuhoctranquocloan.edu.vn), THPT Chuyên Hạ Long (chuyenhalong.edu.vn), THPT Hòn Gai (thpthongai.edu.vn), THPT Tiên Yên (thpttienyen.edu.vn), THPT Ngô Quyền (thptngoquyen.edu.vn), THPT Bãi Cháy (thptbaichay.edu.vn), ...

dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước) còn ở mức thấp (năm 2022 đạt 94,76/100 điểm, xếp thứ 10/20; năm 2023 đạt 93,06 xếp thứ 14/20 sở, ban, ngành - giảm 04 bậc). Nguyên nhân chính là do công tác thực hiện đo lường sự hài lòng của người dân đối với các dịch vụ giáo dục chưa được triển khai rộng rãi, hình thức đo lường đánh giá còn chưa thống nhất, thường diễn ra vào cuối năm dẫn đến việc đánh giá, đo lường và cải tiến chất lượng dịch vụ chưa kịp thời, thiếu sự quyết liệt.

- Việc phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ của Hệ thống mạng, hệ thống thông tin có hướng dẫn, công tác tập huấn, bồi dưỡng triển khai muộn¹⁶ nên việc thực hiện còn hạn chế.

- Việc viết tin, bài truyền thông về giáo dục và chuyển đổi số trong ngành còn ít, nội dung chưa phong phú, đa dạng.

- Nhiều trường nằm ở vùng sâu, vùng xa và điều kiện kinh tế khó khăn, nhiều trường nằm ở các xã không có điểm giao dịch của ngân hàng dẫn đến việc tiếp cận còn nhiều khó khăn, việc thực hiện giao dịch sẽ mất phí cao. Những gia đình hộ nghèo, cận nghèo, điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn; Nhiều phụ huynh đi làm rừng, làm ruộng, đi biển, làm ăn xa và một số học sinh sống cùng ông bà đã lớn tuổi không có điện thoại thông minh kết nối internet, không có tài khoản ngân hàng là việc khó thực hiện thanh toán học phí và các khoản phí khác qua chuyển khoản. Phụ huynh có thói quen sử dụng tiền mặt, ngại thay đổi phương thức thanh toán truyền thống, đồng thời chưa thành thạo các thao tác thực hiện thanh toán trên thiết bị thông minh. Phụ huynh là người dân tộc thiểu số nên còn khó khăn trong việc vận động nộp học phí và đóng các khoản phí khác qua ngân hàng và các ứng dụng ngân hàng trên điện thoại thông minh.

8. Kinh tế số và Xã hội số

a) Kết quả đạt được

- 100% CSGD chấp nhận thanh toán học phí bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt; 86,45% số tiền học phí của CSGD trên địa bàn đô thị và 61,26% số tiền học phí của CSGD trên địa bàn nông thôn được thanh toán bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- 100% CSGD phổ thông, CSGD thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học triển khai sổ sách, sổ điểm, học bạ điện tử thay thế hoàn toàn hồ sơ giấy.

- 11/13 địa phương¹⁷ thực hiện phương thức tuyển sinh đầu cấp trực tuyến lớp 1, lớp 6 năm học 2024-2025; toàn bộ học sinh tham gia tuyển sinh sử dụng thông tin hồ sơ từ cơ sở dữ liệu ngành của năm học 2023-2024 không thực hiện

¹⁶ Quyết định số 1970/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông.

¹⁷ 02 địa phương chưa triển khai: Cô Tô, Đông Triều.

tuyển sinh với hồ sơ giấy.

- 100% các CSGD và thủ trưởng đơn vị có chữ ký số. Một số địa phương đã hoàn thành cấp chữ ký số cho 100% giáo viên: Ba Chẽ, Bình Liêu, Cô Tô đối hoàn thành với 3 cấp học mầm non, tiểu học và THCS.

b) Tồn tại, hạn chế

Việc thanh toán không dùng tiền mặt ở các vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa, việc tiếp cận các dịch vụ này còn gặp nhiều khó khăn. Các đơn vị, CSGD còn chậm triển khai đăng ký chữ ký số cá nhân.

9. Công tác tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số

9.1. Ngày Chuyển đổi số

- Tổ chức các hoạt động truyền thông về Ngày Chuyển đổi số quốc gia từ ngày 01/10/2024 đến hết 12/10/2024: Tăng cường tuyên truyền trên phương tiện truyền thông của CSGD: website, fanpage,..., tổ chức chương trình truyền thông, thông tin về chuyển đổi số; hướng dẫn học sinh, học viên, giáo viên và cha mẹ học sinh sử dụng các công cụ và ứng dụng công nghệ số, VNeID, dịch vụ công trực tuyến¹⁸. Chỉ đạo hiển thị bộ nhận diện trên cổng thông tin điện tử, website, bảng điện tử, màn hình công cộng, ứng dụng di động của các phòng giáo dục và các CSGD; cán bộ, công chức, viên chức, giáo viên, nhân viên hưởng ứng trên không gian mạng bằng cách thay ảnh đại diện có kèm khung hình nhận diện (avatar frame) của Ngày Chuyển đổi số quốc gia từ ngày 01/10/2024 đến ngày 10/10/2024.

- Chỉ đạo các CSGD tập trung vào thực hiện tốt công tác chuyển đổi số trong dạy, học và đánh giá¹⁹: lựa chọn, duy trì nền tảng LMS phù hợp và khai thác tối đa các lợi ích trong dạy học trực tuyến; kết hợp dạy trực tiếp và trực tuyến, thúc đẩy sự tham gia chủ động của học sinh; triển khai xây dựng học liệu số, ngân hàng câu hỏi theo định hướng chương trình giáo dục phổ thông 2018; áp dụng kiểm tra, đánh giá trực tuyến và định kỳ bằng máy tính để cải thiện hiệu quả dạy học; trang bị chữ ký số cho toàn bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

- Khuyến khích 100% cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, giáo viên, nhân viên ngành giáo dục, học sinh cấp THPT tham gia Cuộc thi trực tuyến "Tìm hiểu về chuyển đổi số tỉnh Quảng Ninh" năm 2024²⁰.

- Cử cán bộ tham dự chương trình chào mừng ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024 do Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Chủ tịch Ủy ban Quốc gia

¹⁸ 3095/KH-SGDĐT ngày 30/9/2024 về việc triển khai hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024;

¹⁹ Công văn số 2976/SGDĐT-GDPT ngày 17/9/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục năm học 2024 – 2025

²⁰ 3234/SGDĐT-GDPT ngày 10/10/2024 về việc tham gia Cuộc thi trực tuyến "Tìm hiểu về chuyển đổi số tỉnh Quảng Ninh" năm 2024;

về Chuyển đổi số chủ trì²¹.

9.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được

- Sở GDĐT đã tổ chức các buổi làm việc với các đơn vị để chia sẻ các mô hình, sáng kiến chuyển đổi số hiệu quả. Các đơn vị có thành tích tốt được mời chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn trong việc triển khai chuyển đổi số trong quản lý và dạy học. Qua quá trình đánh giá ngoài về mức độ chuyển đổi số của các CSGD, Sở GDĐT phát hiện và lựa chọn những đơn vị có mô hình chuyển đổi số điển hình để nhân rộng. Các trường được khuyến khích xây dựng hệ thống học liệu số và chia sẻ trong toàn ngành. Kho học liệu số bao gồm các bài giảng điện tử, phần mềm mô phỏng, và câu hỏi trắc nghiệm, tạo điều kiện để giáo viên và học sinh trong tỉnh khai thác phục vụ việc giảng dạy và học tập.

b) Tồn tại, hạn chế

Việc chia sẻ các sáng kiến và bài toán về chuyển đổi số giữa các trường học và CSGD chưa được thực hiện đồng bộ. Một số đơn vị triển khai chuyển đổi số hiệu quả, nhưng kinh nghiệm, cách làm hay chưa được phổ biến rộng rãi đến tất cả các CSGD khác.

9.3. Công tác truyền thông về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được

- Sở GDĐT đã đẩy mạnh truyền thông về chuyển đổi số thông qua Cổng thông tin điện tử của Sở với nhiều tin bài tuyên truyền được đăng tải. Các hoạt động liên quan đến chuyển đổi số trong dạy học và quản lý giáo dục đã được giới thiệu rộng rãi.

- 100% các CSGD đều sử dụng mạng xã hội như Facebook, Zalo để truyền tải thông tin về các hoạt động chuyển đổi số, giúp kết nối với học sinh, phụ huynh và cộng đồng một cách hiệu quả.

Sở đã tổ chức các hội nghị quán triệt nhiệm vụ chuyển đổi số, nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên. Nội dung về lợi ích và yêu cầu của chuyển đổi số đã được phổ biến rộng rãi, giúp thay đổi tư duy và thúc đẩy sự tham gia tích cực từ toàn ngành.

b) Tồn tại, hạn chế

Các bài viết và nội dung truyền thông về chuyển đổi số còn ít, chưa phong phú và đa dạng, chưa thực sự thu hút được sự quan tâm và tham gia tích cực của nhiều đối tượng.

²¹ 933/GM-VP.UBND ngày 10/10/2024 của UBND tỉnh về giấy mời tham dự tham dự chương trình chào mừng ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024 do Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Chủ tịch Ủy ban Quốc Gia về Chuyển đổi số chủ trì.

10. Kinh phí thực hiện

- Kinh phí thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục chủ yếu từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, bao gồm các dự án ứng dụng CNTT sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển; các hoạt động đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước; các hoạt động đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên có mức kinh phí trên 200 triệu đồng đến 15 tỷ đồng để thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu; các hoạt động đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên có mức kinh phí trên 15 tỷ đồng để thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu; các hoạt động thuê dịch vụ CNTT²².

- Sở GDĐT đã phối hợp với các đối tác như Viettel, VNPT trong việc triển khai hệ thống học bạ số, phần mềm quản lý học tập và các giải pháp công nghệ khác.

(Kèm theo các phụ lục đánh giá)

Phần II. KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2025

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 về phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến 2025, định hướng đến 2030; số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng 2030; số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”; số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế

²² 4823/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về lập, thẩm định và nghiệm thu bản giao sản phẩm các dự án/hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin/hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GDĐT ban hành quy định về cơ sở dữ liệu GDĐT;

- Căn cứ các Quyết định của Bộ GDĐT: Quyết định số 4988/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 ban hành quy định kỹ thuật về dữ liệu của cơ sở dữ liệu GDĐT; số 1282/QĐ-BGDĐT ngày 10/5/2022 ban hành Kế hoạch thực hiện Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của CSGD phổ thông và giáo dục thường xuyên;

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 09/10/2020 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình hành động số 36-CTr/TU ngày 10/01/2020 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Chỉ thị số 38-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước trong nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ các Kết luận của Ban cán sự đảng UBND tỉnh số 619-KL/BCSD ngày 29/8/2023 về một số nội dung tại cuộc họp ngày 24/8/2023, số 861-KL/BCSD ngày 10/11/2023 về việc ban hành Kế hoạch tăng cường ứng dụng CNTT và thúc đẩy chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ Kế hoạch số: 59/KH-UBND ngày 01/03/2022 của UBND tỉnh về thực hiện chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; 276/KH-UBND ngày 10/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về tăng cường ứng dụng CNTT và thúc đẩy chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030 (Kế hoạch số 276/KH-UBND).

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, khai thác sử dụng hiệu quả phương tiện thiết bị CNTT trên cơ sở bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả quản lý giáo dục; xây dựng nền giáo dục mở, thích ứng trên nền tảng số, xây dựng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia, góp phần phát triển Chính quyền số, xã hội số.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

Các mục tiêu, chỉ tiêu trọng tâm năm 2025:

- 100% hệ thống thông tin từ đang vận hành được phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ được phê duyệt (KH73);

- 100% các cơ sở giáo dục phổ thông, nghề nghiệp, đại học trên địa bàn tỉnh tích hợp nội dung chuyển đổi số trong chương trình giảng dạy, đào tạo (KH59);

Tiếp tục thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch số 276, cụ thể:

2.1. Phát triển Chính quyền số trong giáo dục

(1) 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình; Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến đạt 100%.

(2) Tỷ lệ người học, cha mẹ người học hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục đạt trung bình 80%; Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan quản lý giáo dục đạt trung bình 80%.

(3) Cơ quan quản lý giáo dục được vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó 100% hồ sơ công việc được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

(4) 100% chỉ số thống kê về giáo dục, đào tạo theo Thông tư số 19/2017/TT-BGDĐT ngày 28/7/2017, Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ GDĐT, Thông tư 01/2018/TT-LĐTBXH ngày 27/02/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được kết nối, chia sẻ phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, Sở GDĐT.

(5) 100% các cơ sở giáo dục đảm bảo kết nối dữ liệu để triển khai dịch vụ công thiết yếu (thủ tục đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông và xét tuyển đại học, cao đẳng).

2.2. Phát triển xã hội số trong giáo dục

(1) 100% các cơ sở giáo dục chấp nhận thu học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ người học bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt; 100% số tiền học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ người học của các cơ sở giáo dục ở vùng thành thị, nông thôn; 65% ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

(2) 100% các CSGD phổ thông, giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học triển khai sổ sách, sổ điểm, học bạ điện tử thay thế hoàn toàn hồ sơ giấy; 100% các cơ sở giáo dục triển khai học bạ số; 100% trường phổ thông tuyển sinh đầu cấp lớp 1, lớp 6, lớp 10 hoàn toàn trên môi trường số.

(3) Triển khai nhân rộng mô hình quản lý kiểm tra/thi online tập trung qua

nền tảng công nghệ xác thực thẻ CCCD gắn chip điện tử.

(4) 100% các cơ sở giáo dục triển khai cho nhà giáo sử dụng chữ ký số.

2.3. Xây dựng trường học số

(10) Về tiếp cận giáo dục trực tuyến: 50% học sinh, mỗi sinh viên và mỗi nhà giáo có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến;

(11) Về môi trường giáo dục trực tuyến:

(1) Triển khai một số nền tảng dạy và học trực tuyến là sản phẩm trong nước, được ít nhất 70% học sinh, sinh viên sử dụng;

(2) Trường Đại học Hạ Long cung cấp các chương trình đào tạo (có cấp bằng) theo hình thức từ xa, trực tuyến;

(3) Hình thành kho học liệu trực tuyến đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho 50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông;

(12) Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến:

(1) Tỷ trọng lớp học trực tuyến trong Trường Đại học Hạ Long đạt trung bình 20%; trong số người học lấy văn bằng đại học thứ hai, có ít nhất 50% theo học hình thức trực tuyến (với thời lượng trực tuyến chiếm hơn 50%).

(12.2) Tỷ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 5% ở bậc tiểu học, 10% ở bậc trung học.

(13) Quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số:

(1) 100% các cơ sở giáo dục từ mầm non đến đại học trên địa bàn tỉnh áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số;

(2) 100% các trường học mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên tiếp tục triển khai hệ thống quản lý trường học trực tuyến;

(3) 80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số.

(4) Xây dựng và hoàn thiện mô hình “Giáo dục đại học số” tại Trường Đại học Hạ Long.

2.4. Xây dựng cơ sở dữ liệu

(1) Cơ sở dữ liệu toàn ngành được hoàn thiện, kết nối thông suốt với 100% CSGD đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời; được kết nối và chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia; 100% người học, 100% nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất toàn quốc;

(2) 100% sổ gốc cấp văn bằng, chứng chỉ được số hóa;

2.5. Phát triển nhân lực số

(1) 100% các cơ sở giáo dục phổ thông, nghề nghiệp, đại học trên địa bàn tỉnh tích hợp nội dung chuyển đổi số trong chương trình giảng dạy, đào tạo.

(2) 80% các cơ sở giáo dục phổ thông có tổ chức các hoạt động giáo dục STEM/STEAM.

(3) 100% người làm việc trong cơ quan quản lý giáo dục, các cơ sở giáo dục định kỳ hàng năm được tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số, công nghệ số; trong đó tối thiểu 50% được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích, xử lý dữ liệu bằng các công cụ số.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Nhiệm vụ trọng tâm năm 2025

a. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác quản trị nhà trường, trong dạy và học, đẩy mạnh sử dụng hệ thống quản lý học tập trực tuyến, số hóa tài liệu, giáo trình, xây dựng học liệu số, khai thác sử dụng hệ thống học liệu, sách giáo khoa điện tử, sách giáo khoa số, khai thác sử dụng hệ thống học liệu, sách giáo khoa điện tử, sách giáo khoa số; sử dụng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập cho cả hình thức trực tuyến và trực tiếp, tra cứu học liệu số dùng chung cho tất cả các cấp học.

b. Nâng cao chất lượng quản lý, đào tạo của Trường Đại học Hạ Long từ chuyển đổi số.

Gắn với việc tiếp tục đẩy mạnh, triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong Kế hoạch 276 cụ thể:

1. Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

a) Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong GDĐT đến đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên, người học, cha mẹ người học;

b) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ người học và người học về thanh toán không dùng tiền mặt đối với tất cả các hoạt động có thanh toán, chi trả tiền.

2. Rà soát, ban hành các văn bản hướng dẫn về chuyển đổi số trong hoạt động dạy học, quản trị cơ sở giáo dục, quản lý giáo dục

a) Hướng dẫn thực hiện quy định về cơ sở dữ liệu trong ngành giáo dục; kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục, đồng bộ với cơ sở dữ liệu ngành của Bộ GDĐT;

b) Hướng dẫn thực hiện các quy định về thanh toán, đóng học phí, lệ phí, các khoản thu dịch vụ, phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục bằng phương thức không dùng tiền mặt;

c) Hướng dẫn thực hiện bộ chỉ tiêu đánh giá chuyển đổi số; tự đánh giá, đánh giá ngoài và công nhận kết quả mức độ chuyển đổi số đối với các cơ sở giáo dục theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT;

d) Hướng dẫn các cơ sở giáo dục xây dựng đề án thuê dịch vụ điện tử quản lý học sinh, xây dựng trường học thông minh, lớp học thông minh, hệ thống LMS/LCMS phục vụ hoạt động dạy và học, bồi dưỡng thường xuyên;

đ) Hướng dẫn sử dụng, xây dựng nội dung trang thông tin điện tử của ngành và các cơ sở giáo dục;

e) Hướng dẫn quản lý hồ sơ điện tử trong các cơ sở giáo dục theo chuẩn kết nối, chuẩn dữ liệu của Bộ GDĐT.

3. Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GDĐT

a) Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GDĐT; triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống số hóa, đảm bảo an toàn trong các hoạt động dạy - học và làm việc trên môi trường số. Ưu tiên sử dụng các mô hình dịch vụ trên nền tảng đám mây; đảm bảo kết nối Internet cấp quang tới tất cả các cơ sở giáo dục; tiếp tục thực hiện thuê dịch vụ CNTT phục vụ xây dựng trường học số.

b) Phát huy hiệu quả của các thiết bị đã được đầu tư từ các đề án, dự án ứng dụng CNTT trong ngành Giáo dục:

- Chỉ đạo các CSGD đã được đầu tư thiết bị dạy học hiện đại từ các đề án, dự án ứng dụng CNTT, trường học thông minh thực hiện nghiêm túc Quy chế quản lý, sử dụng thiết bị giáo dục trong trường mầm non, trường phổ thông trên địa bàn tỉnh;

- Hướng dẫn các cơ sở giáo dục lập kế hoạch, triển khai các giải pháp khai thác hiệu quả các thiết bị hỗ trợ dạy học đã được đầu tư; phát huy lợi thế của hệ thống phòng học thông minh, phòng học tương tác để triển khai các mô hình dạy - học tiên tiến trên nền tảng số phù hợp với nhu cầu thực tế tại đơn vị.

c) Tăng cường hiện đại hóa cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật phục vụ chuyển đổi số trong ngành Giáo dục, trọng tâm là Trường Đại học Hạ Long, Trường Cao đẳng Việt - Hàn Quảng Ninh và các cơ sở giáo dục phổ thông.

4. Chuyển đổi số dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học

a) Triển khai hệ thống phòng học tương tác thông minh, phòng thí nghiệm/thực hành (Lab) hiện đại, phòng Lab mô phỏng, ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR), công nghệ học máy, công nghệ phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo vào các lĩnh vực nghiên cứu, thực hành do Bộ GDĐT xây dựng;

b) Lựa chọn và ứng dụng sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp công nghệ giáo dục vào giảng dạy, ưu tiên sản phẩm trong nước.

c) Triển khai các mô hình dạy và học tiên tiến trên nền tảng số theo hướng dạy học kết hợp (lớp học thông minh, nhóm học tương tác, tự học với trợ lý ảo) phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

d) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục phổ thông xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường trong đó có tỉ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông dưới hình thức trực tuyến đảm bảo mục tiêu của Kế hoạch.

đ) Phát triển các kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung toàn ngành (bài giảng điện tử, bài giảng dạy trên truyền hình, học liệu số đa phương tiện, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác); phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho tất cả các môn học.

e) Xây dựng thư viện điện tử, các nền tảng tài nguyên giáo dục mở cho phép học sinh, sinh viên truy cập trực tuyến miễn phí phục vụ học tập, tra cứu thông tin, nâng cao khả năng tiếp cận kiến thức.

g) Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục phổ thông. Chú trọng tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và trang bị thiết bị, robotics, phần mềm. Khuyến khích các cơ sở giáo dục phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đào tạo kỹ năng số, STEM/STEAM, robotics để triển khai.

h) Đổi mới, cập nhật các chương trình giáo dục, đào tạo các ngành CNTT, điện tử, tự động hóa, viễn thông tại các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh; giảng dạy tin học, rèn luyện kỹ năng số cho học sinh phổ thông để hình thành thói quen số, văn hóa số,...

5. Triển khai đồng bộ hệ thống quản lý GDĐT và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục

a) Triển khai Hệ thống Quản lý trường học trực tuyến tích hợp Tuyển sinh liên thông đầu cấp trực tuyến và xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục tỉnh Quảng Ninh theo hình thức thuê dịch vụ CNTT cho Sở GDĐT, 13 phòng GDĐT, tất cả các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh.

b) Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đảm bảo phục vụ các cơ quan quản lý giáo dục. Triển khai hệ thống thông tin quản lý ngành giáo dục, kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, phòng GDĐT, sở GDĐT đến Bộ GDĐT phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra của các cơ quan quản lý giáo dục.

c) Triển khai nền tảng quản trị nhà trường tới 100% các cơ sở giáo dục đảm bảo kết nối, báo cáo liên thông dữ liệu từ cơ sở giáo dục với hệ thống cơ sở dữ

liệu toàn quốc của ngành giáo dục. Trên nền tảng cơ sở dữ liệu, triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, liên lạc giữa nhà trường với gia đình, kết nối với các nền tảng ứng dụng khác.

d) Triển khai nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu của ngành giáo dục trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu LGSP (Local Government Service Platform) của tỉnh; triển khai nền tảng quản lý mã định danh, xác thực người dùng trên môi trường số của ngành giáo dục.

6. Tiếp tục triển khai chính quyền điện tử, chính quyền số, thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong giáo dục

a) Triển khai phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc tại địa chỉ (<http://congchuc.quangninh.gov.vn>) tới tất cả các cơ sở giáo dục trong toàn tỉnh; thực hiện liên thông văn bản điện tử thông suốt từ trường, phòng, Sở, Bộ GDĐT và các cơ quan quản lý nhà nước khác ở địa phương; thực hiện sử dụng văn bản điện tử, ký số thay thế hoàn toàn văn bản giấy.

b) Trang bị chứng thư số chuyên dùng (do Ban Cơ yếu chính phủ cấp) thực hiện xác thực trên môi trường điện tử cho cán bộ, giáo viên toàn ngành.

c) Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong giáo dục, tăng tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến, thực hiện ký số cá nhân lãnh đạo, không sử dụng văn bản giấy trả kết quả thủ tục hành chính.

d) Thực hiện số hóa hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác quản lý, giải quyết thủ tục hành chính; ưu tiên số hóa dữ liệu phục vụ việc cấp phát bản sao, xác minh văn bằng chứng chỉ.

7. Đảm bảo an toàn, an ninh mạng

a) Xây dựng, triển khai các hệ thống kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin phục vụ phát triển chuyển đổi số giáo dục và giáo dục thông minh theo quy định.

b) Triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin của ngành và các cơ sở giáo dục; được quản lý, vận hành theo mô hình 04 lớp, được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi, định kỳ theo quy định.

8. Phát triển nguồn nhân lực

a) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong ngành giáo dục; triển khai hệ thống bồi dưỡng giáo viên đảm bảo 100% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu; bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, đảm bảo an toàn an ninh thông tin, bảo mật dữ liệu khi triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực GDĐT qua các nền tảng dùng chung của quốc gia, của tỉnh.

b) Triển khai mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật (giáo dục STEM/STEAM); phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp; đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

c) Chủ động liên kết với các viện, trường, trung tâm nghiên cứu và các đối tác trong và ngoài nước, đẩy mạnh hợp tác với Trường Đại học Hạ Long để đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quá trình chuyển đổi số của tỉnh.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện chuyển đổi số năm 2024, nội dung kế hoạch chuyển đổi số ngành giáo dục năm 2025 của Sở GDĐT, kính gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, các PGD Sở;
- Các Phòng GDĐT;
- Các đơn vị, thuộc và trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, GDPT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trịnh Đình Hải

Phụ lục 01

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU/CHỈ TIÊU CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2024

(Kèm theo công văn số: /SGDDĐT-GDPT ngày /11/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Kế hoạch 73/KH-UBND ngày 13/3/2024 đặt ra 30 mục tiêu. Kết quả thực hiện 12 mục tiêu năm 2024 do Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì hoặc phối hợp cụ thể như sau:

- Có 09/12 mục tiêu hoàn thành, đạt 75%;
- Có 03/12 mục tiêu không hoàn thành, chiếm 25%;

TT	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cơ quan theo dõi chỉ tiêu	Dự kiến kết quả thực hiện trong năm 2024	Đánh giá khả năng hoàn thành 2024	Ghi chú
I	Về phát triển dữ liệu số (03)						
1	Triển khai xây dựng các nền tảng cơ sở dữ liệu quan trọng theo định hướng của Bộ chủ quản gồm: cán bộ, công chức, viên chức; an sinh xã hội; y tế; giáo dục; quy hoạch tỉnh, đầu tư công; công thương (công nghiệp - thương mại).	Các sở: Nội vụ/ Y tế/ GDĐT/ KHĐT/ Công Thương/ LĐTB&XH	Sở TTTT; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở TTTT	Hoàn thành	Hoàn thành	
2	100% cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của các sở, ngành, địa phương được kết nối, chia sẻ dữ liệu trên Nền tảng tích hợp của tỉnh.	Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở TTTT	Sở TTTT; duy trì thực hiện	Theo KH UBND tỉnh	Theo KH UBND tỉnh	
3	100% hệ thống thông tin từ đang vận hành được phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin trước ngày 30/9/2024 và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ được phê duyệt trước ngày 31/12/2024.	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở TTTT, Công an tỉnh	Sở TTTT	Đang thực hiện	Tiếp tục thực hiện	Chưa hoàn thành việc lập hồ sơ

TT	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cơ quan theo dõi chỉ tiêu	Dự kiến kết quả thực hiện trong năm 2024	Đánh giá khả năng hoàn thành 2024	Ghi chú
II	Phát triển chính quyền số (11)						
1	100% hồ sơ được số hóa ngay từ khâu tiếp nhận đến kết quả giải quyết thủ tục hành chính đủ điều kiện được ký số và trả cho người dân trên môi trường số thông qua tài khoản Công dân điện tử; 30% thủ tục hành chính được cung cấp biểu mẫu nhập liệu điện tử.	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở TTTT	Trung tâm PVHCC tỉnh; duy trì thực hiện chỉ tiêu về hồ sơ được số hóa ngay từ khâu tiếp nhận	Hoàn thành	Hoàn thành	
2	90% dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ/số thủ tục hành chính phát sinh hồ sơ	Trung tâm PVHCC tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở TTTT, các sở, ban, ngành tỉnh	Trung tâm PVHCC tỉnh	Hoàn thành	Hoàn thành	
3	80% hồ sơ được nộp qua dịch vụ công trực tuyến. Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt trên 45%.	Trung tâm PVHCC tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở TTTT, các sở, ngành tỉnh	Trung tâm PVHCC tỉnh	Hoàn thành	Hoàn thành	
4	Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ TTHC của tỉnh được đồng bộ đầy đủ trên Cổng dịch vụ công quốc gia và công bố, công khai TTHC đúng hạn đạt 100%	Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh	Trung tâm PVHCC tỉnh; các sở, ngành, địa phương	Trung tâm PVHCC tỉnh	Hoàn thành	Hoàn thành	

TT	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cơ quan theo dõi chỉ tiêu	Dự kiến kết quả thực hiện trong năm 2024	Đánh giá khả năng hoàn thành 2024	Ghi chú
5	100% người đứng đầu, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương (tỉnh, huyện, xã) được đào tạo/bồi dưỡng/tập huấn có nhận thức và có kỹ năng về chuyển đổi số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và ra quyết định; 100% nhân lực công nghệ số nòng cốt trong bộ máy nhà nước được đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng; tối thiểu 20% cán bộ, công chức của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh được bồi dưỡng về kỹ năng phân tích, xử lý dữ liệu, quản lý đầu tư cho chuyển đổi số.	Sở Thông tin và Truyền thông; Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở TTTT; duy trì thực hiện	Hoàn thành	Hoàn thành	
6	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc (trừ hồ sơ mật) trên môi trường mạng: Đối với các sở, ngành, UBND cấp huyện đạt 100%; đối với UBND cấp xã đạt tối thiểu 90%.	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở TTTT, Sở Nội vụ	Sở TTTT; duy trì thực hiện	Hoàn thành	Hoàn thành	
7	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt tối thiểu 50%.	Các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương	Sở Nội vụ	VP. UBND tỉnh	Theo KH UBND tỉnh	Theo KH UBND tỉnh	
III	Về phát triển kinh tế số (07)						
1	100% các dịch vụ thiết yếu xã hội (an sinh xã hội, y tế, giáo dục, điện, nước, viễn thông, thu vé: Tham quan vịnh, Bảo	Các sở, ngành,	Công ty Điện lực Quảng	Trung tâm PVHCC tỉnh; duy trì	Hoàn thành	Hoàn thành	

TT	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cơ quan theo dõi chỉ tiêu	Dự kiến kết quả thực hiện trong năm 2024	Đánh giá khả năng hoàn thành 2024	Ghi chú
	tàng, thư viện), 100% giao dịch giải quyết thủ tục hành chính ở cấp tỉnh, cấp huyện và các xã khu vực đồng bằng thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt, đối với các xã khu vực còn lại đạt tối thiểu 80%.	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Ninh, Công ty CP Nước sạch Quảng Ninh và các doanh nghiệp viễn thông (VNPT, Viettel, Mobifone)	thực hiện chỉ tiêu về giao dịch giải quyết thủ tục hành chính và chỉ tiêu về các dịch vụ thiết yếu xã hội			
2	100% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp (bao gồm các nhà thầu dự án/công trình đầu tư công) sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh chi trả, thanh toán xăng dầu sử dụng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt	Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các BQL Dự án cấp tỉnh, cấp huyện	Sở Công Thương, Ngân hàng nhà nước CN tỉnh, Kho bạc nhà nước tỉnh	Sở Công Thương; duy trì thực hiện	Hoàn thành	Hoàn thành	

Phụ lục 01.1**KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU CHUYỂN ĐỔI SỐ THEO KẾ HOẠCH SỐ 59/KH-UBND**

(Kèm theo công văn số: /SGDDĐT-GDPT ngày /11/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu chuyển đổi số tại Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 01/3/2022 của UBND tỉnh, cụ thể trong 32 mục tiêu, có 16 mục tiêu do sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì hoặc phối hợp:

Hoàn thành và cơ bản hoàn thành 14/16, đạt 87,50%; chưa hoàn thành 02/16, chiếm 12,5 %.

TT	Mục tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến Kết quả thực hiện đến hết 2024	Đánh giá (Hoàn thành/Chưa hoàn thành)
I	Về phát triển Chính quyền số					
1	100% các thủ tục hành chính ban hành mới đủ điều kiện cung ứng đạt dịch vụ công trực tuyến mức độ 4	Các sở, ngành, địa phương	Sở TTTT	Thường xuyên	Hoàn thành	Hoàn thành
2	100% cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở, được trang bị cơ sở vật chất đảm bảo kỹ thuật, an toàn phục vụ chuyển đổi số	Các sở, ngành, địa phương		2022-2024	Theo KH UBND tỉnh	Theo KH UBND tỉnh
3	100% công việc ở cả 3 cấp từ tỉnh đến xã phải được xử lý trên hệ thống chính quyền điện tử (đặc biệt là trình ký văn bản điện tử, thực hiện các chức năng xử lý nội bộ). (2) 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được ký số và trả cho người dân trên môi trường số	Các sở, ngành, địa phương		2022-2025	Hoàn thành	Hoàn thành
4	(1) 100% cơ quan Đảng và Nhà nước từ cấp tỉnh đến xã có hạ tầng để triển khai họp trực tuyến; (2) từ năm 2022 trở đi, phân đấu trên 50% cuộc họp giữa tỉnh với huyện, giữa tỉnh với các sở, ngành; giữa huyện với xã được thực hiện theo hình thức trực tuyến	Sở TTTT	Các cơ quan khối đảng, đoàn thể; Các sở, ngành, địa phương	2022-2023	Hoàn thành	Cơ bản hoàn thành
5	Hết năm 2022, 100% người đứng đầu, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương (tỉnh, huyện, xã) được đào tạo/bồi dưỡng/tập huấn có nhận thức và có kỹ năng về chuyển đổi số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và ra quyết định. Đào tạo 100 cán bộ nòng cốt về chuyển đổi số của tỉnh	Sở TTTT	Các sở, ngành, địa phương	2022	Hoàn thành	Hoàn thành
6	100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước định kỳ hằng năm được tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về chuyển đổi số,	Các sở, ngành, địa phương	Sở TTTT, Sở Nội vụ, Trường	Thường xuyên	Hoàn thành	Hoàn thành

TT	Mục tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến Kết quả thực hiện đến hết 2024	Đánh giá (Hoàn thành/Chưa hoàn thành)
	kỹ năng số, công nghệ số; tối thiểu 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích, xử lý dữ liệu bằng các công cụ số		ĐHHL, Trường ĐT CB NVC			
7	(1) Từ năm 2022, triển khai thực hiện việc xác thực định danh điện tử công dân qua hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư khi thực hiện giải quyết thủ tục hành chính các cấp; (2) đối với doanh nghiệp xác thực định danh điện tử qua cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. (3) Phấn đấu đến năm 2024, 100% người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính quyền điện tử/chính quyền số được xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp từ tỉnh đến xã và liên thông với trung ương	Công an tỉnh, Sở TTTT	Các sở, ngành, địa phương	2022-2024		Cơ bản hoàn thành
8	Phấn đấu hết năm 2023: (1) Hoàn thành 100% số hóa, ký số và lưu trữ điện tử đối với hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được giải quyết thành công còn hiệu lực ở cả 3 cấp. (2) 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ, họp trực tuyến, văn bản, báo cáo, ký số của các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các sở, ngành, địa phương của tỉnh được thực hiện trên nền tảng số, đảm bảo tính liên thông, thống nhất, tổng thể. (3) 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện, 80% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên hệ thống chính quyền điện tử/chính quyền số	Các sở ngành địa phương		2022-2023	Cơ bản hoàn thành	Cơ bản hoàn thành
9	Phấn đấu hết năm 2023 hoàn thành 08 cơ sở dữ liệu nền tảng quan trọng của tỉnh gồm: Đất đai; cán bộ, công chức, viên chức; y tế; giáo dục; quy hoạch; du lịch; đầu tư công; giao thông. Các cơ sở dữ liệu nền tảng khác và chuyên ngành (gồm: Tài nguyên, môi trường; công nghiệp - năng	Các sở, ngành	Sở TTTT, các địa phương	2022-2023	CSDL giáo dục Hoàn thành	Hoàn thành

TT	Mục tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến Kết quả thực hiện đến hết 2024	Đánh giá (Hoàn thành/Chưa hoàn thành)
	lượng; tài chính; văn hóa; xây dựng; xúc tiến đầu tư; tư pháp....), hạ tầng dữ liệu không gian cấp tỉnh hoàn thành trong năm 2024					
10	Từ năm 2024, 100% hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính ở cả 3 cấp được số hóa để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử	Các sở, ngành, địa phương	Sở TTTT	2022-2024	Hoàn thành	Cơ bản hoàn thành
11	Đảm bảo an toàn thông tin mạng: (1) 100% giao dịch giải quyết thủ tục hành chính giữa doanh nghiệp và chính quyền tại các Trung tâm HCC được xác thực qua chữ ký số; (2) 100% cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai các hệ thống, ứng dụng trên điện toán đám mây và đảm bảo an toàn thông tin mạng; (3) Vận hành và phát huy hiệu quả Trung tâm kiểm soát an toàn thông tin mạng tỉnh Quảng Ninh (SOC)	Sở TTTT	Các sở, ngành, địa phương	Thường xuyên	Hoàn thành	Hoàn thành
III	Về phát triển xã hội số					
1	(1) Phân đầu 100% người dân trong độ tuổi lao động có sử dụng điện thoại thông minh; (2) 100% người dân có định danh điện tử và (3) mỗi gia đình đều có địa chỉ số; (4) người dân trên địa bàn tỉnh được tuyên truyền, phổ biến thông tin cơ bản, đầy đủ về chuyển đổi số và có kỹ năng số	Các địa phương	Sở TTTT, các sở, ngành liên quan, Trung tâm truyền thông tỉnh, các doanh nghiệp	2022-2024	Hoàn thành	Hoàn thành
2	80% người dân trong độ tuổi lao động có kỹ năng sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu	Sở LĐ, TBXH	Các sở, ngành, địa phương	2022-2024	Hoàn thành	Hoàn thành
3	(1) Tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần. (2) 100% công dân khi thực hiện thủ tục hành chính không phải xuất trình hồ sơ chứng minh thông tin của bản thân, không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ về dân cư khi đã có trong CSDL quốc gia về dân cư	Các sở, ngành, địa phương	Sở TTTT, Công an tỉnh	2022-2024	Hoàn thành	Hoàn thành

TT	Mục tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến Kết quả thực hiện đến hết 2024	Đánh giá (Hoàn thành/Chưa hoàn thành)
4	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng về sử dụng dịch vụ công đạt 98%. Người dân được cung cấp dịch vụ thanh toán điện tử trên điện thoại di động khi thực hiện thủ tục hành chính	Trung tâm PVHCC tỉnh, TTHCC địa phương, Bộ phận TN&TKQHĐ cấp xã	Các sở, ngành, địa phương	Thường xuyên	Hoàn thành	Hoàn thành
5	(1) 100% các trường học trên địa bàn tỉnh (từ các cấp học phổ thông đến đại học, cao đẳng, cơ sở đào tạo nghề của tỉnh) có nội dung chuyển đổi số trong chương trình giảng dạy, đào tạo; (2) 60% cơ sở giáo dục các cấp từ tiểu học đến trung học phổ thông có tổ chức các hoạt động giáo dục STEM/STEAM và kỹ năng số. (3) 100% học sinh các cấp có hồ sơ, học bạ điện tử, sổ liên lạc điện tử; triển khai tuyển sinh trực tuyến đầu cấp dựa trên dữ liệu số	Sở GD-ĐT	Các sở, ngành, địa phương	2022-2024	(2), (3) hoàn thành	(1) Chưa hoàn thành

Phụ lục 02**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2024**

(Kèm theo công văn số: /SGDDT-GDPT ngày /11/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Kế hoạch 73/KH-UBND ngày 13/3/2024 đặt ra 35 nhiệm vụ, 14 nhiệm vụ thuộc Sở GDĐT chủ trì/phối hợp. Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2024:

- Có 12/14 nhiệm vụ hoàn thành, đạt 85,71;
- Có 02/14 nhiệm vụ đang thực hiện, chiếm 14,29 %;
- Có 0 nhiệm vụ dừng triển khai, chiếm 0%;

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian triển khai/hoàn thành	Dự kiến Kết quả thực hiện năm 2024	Khả năng hoàn thành trong năm 2024	Ghi chú
I	Nhận thức số (07 nhiệm vụ)						
1	Xây dựng và triển khai Kế hoạch truyền thông về Chuyển đổi số năm 2024 (bao gồm truyền thông về an toàn thông tin) theo hướng trọng tâm, trọng điểm đồng thời chú trọng đổi mới và phát huy hiệu quả các kênh truyền thông về chuyển đổi số trên các hạ tầng truyền thông của tỉnh	Trung tâm Truyền thông tỉnh	Sở TTTT và các sở, ban, ngành, địa phương	Trước 01/3/2024	Hoàn thành	Hoàn thành	
2	Xây dựng, ban hành Kế hoạch tổ chức chuỗi sự kiện, hoạt động hưởng ứng Ngày chuyển đổi số quốc gia 10/10 trên địa bàn toàn tỉnh trong đó có tổ chức Chương trình phát động hưởng ứng, tổ chức ra quân phổ biến, hỗ trợ người dân cài đặt, sử dụng các sản phẩm, dịch vụ số	Sở Thông tin và Truyền thông	TTT tỉnh, các tổ chức hội đoàn thể, MTTQ các cấp, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các doanh nghiệp công nghệ số	Trước 30/6/2024	Hoàn thành	Hoàn thành	
3	Tổ chức Cuộc thi về chuyển đổi số cấp huyện và cấp tỉnh				Hoàn thành	Hoàn thành	
II	Thế chế số (04 nhiệm vụ)						
1	Nghiên cứu xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số để đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cao trong triển khai chuyển đổi số	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương	2024	Đã góp ý dự thảo		
III	Phát triển hạ tầng số (03 nhiệm vụ)						
IV	Dữ liệu số (03 nhiệm vụ)						
1	Phân đầu xây dựng, hoàn thành cơ bản 06 cơ sở dữ liệu nền tảng quan trọng theo định hướng của Bộ,						

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian triển khai/hoàn thành	Dự kiến Kết quả thực hiện năm 2024	Khả năng hoàn thành trong năm 2024	Ghi chú
	ngành, của tỉnh: (1) Cán bộ, công chức, viên chức; (2) Y tế; (3) Giáo dục; (4) Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh; (5) Đầu tư công; (6) Công Thương (công nghiệp - thương mại)						
1.3	Đưa vào vận hành CSDL ngành Giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo		2024	Hoàn thành	Hoàn thành	
V	Nền tảng số (03 nhiệm vụ)						
1	Hoàn thành Dự án phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ cấp tỉnh (LGSP) đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Bộ Thông tin và Truyền thông; bảo đảm kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) <i>(phê duyệt tại Quyết định số 660/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh)</i>	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, địa phương	2024-2025	Theo KH của UBND tỉnh	Theo KH của UBND tỉnh	
VI	Nhân lực số (03 nhiệm vụ)						
1	Tiếp tục thực hiện triển khai bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho công chức, viên chức trên nền tảng đào tạo trực tuyến mở của Bộ Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, đoàn thể, địa phương, doanh nghiệp tỉnh	2024	Hoàn thành	Hoàn thành	
2	Phối hợp với Bộ Công an tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn nâng cao kỹ năng, nhận thức về an toàn, an ninh thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước trên không gian mạng đối với cán bộ công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh	Công an tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành, địa phương	2024	Hoàn thành	Hoàn thành	
VII	An toàn thông tin mạng (02 nhiệm vụ)						
1	Tổ chức diễn tập thực chiến đảm bảo an toàn thông tin mạng tỉnh Quảng Ninh năm 2024	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Trước ngày 31/10/2024			
2	Tổ chức kiểm tra, đánh giá đảm bảo an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh		Trước ngày 31/10/2024	Chưa hoàn thành	Chưa hoàn thành	Đang trong quá trình lập hồ sơ
VIII	Chính quyền số (02 nhiệm vụ)						
1	Tập trung triển khai số hóa trong các cơ quan đảng, nhà nước, MTTQ và các đoàn thể tỉnh	VP Tỉnh ủy, các cơ quan đảng, nhà nước,	Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên trong năm 2024	Thường xuyên	Thường xuyên	

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian triển khai/hoàn thành	Dự kiến Kết quả thực hiện năm 2024	Khả năng hoàn thành trong năm 2024	Ghi chú
		MTTQ và các đoàn thể tỉnh					
IX	Phát triển kinh tế số (04 nhiệm vụ)						
1	Tiếp tục triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong khu vực công và trong Nhân dân phần đầu 100% các dịch vụ thiết yếu xã hội (y tế, giáo dục, điện, nước, viễn thông...), 100% giải quyết thủ tục hành chính thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt. Đối với các khu vực vùng sâu, vùng xa tập trung nâng cao số lượng cài đặt và sử dụng Mobile Money; mở các điểm thanh toán không dùng tiền mặt đến tất cả các thôn, bản	Ngân hàng nhà nước chi nhánh Quảng Ninh và các doanh nghiệp Viễn thông cung cấp dịch vụ Mobile Money	Các sở, ban, ngành, địa phương	2024	Hoàn thành	Hoàn thành	
X	Phát triển xã hội số (04 nhiệm vụ)						
1	Triển khai phổ cập cho người dân sử dụng ứng dụng VNeID, là danh tính số, có giá trị tương đương thẻ Căn cước đồng thời là tài khoản dịch vụ công trực tuyến	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	2024	Hoàn thành	Hoàn thành	
2	Triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong Kế hoạch số 276/KH-UBND ngày 10/11/2023 của UBND tỉnh về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban, ngành, địa phương	2024	60% hoàn thành, cơ bản hoàn thành và đang triển khai	67% hoàn thành, cơ bản hoàn thành	Tiếp tục triển khai

PHỤ LỤC 02.1**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ THEO KẾ HOẠCH SỐ 59/KH-UBND**

(Kèm theo công văn số: /SGDDT-GDPT ngày /11/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ chuyển đổi số tại Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 01/3/2022 của UBND tỉnh;

Trong 154 nhiệm vụ có 30 nhiệm vụ do Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì hoặc phối hợp, kết quả:

Hoàn thành 24/30 nhiệm vụ, đạt 80%; chưa hoàn thành 06/30, chiếm 20%.

TT	Mã nhiệm vụ/Hành động	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến Kết quả thực hiện đến hết 2024	Đánh giá (Hoàn thành/Chưa hoàn thành)
A	CCCS	XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH					
1	HĐ1	Thành lập Ban chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ninh do đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh làm trưởng Ban; thành lập Ban Chuyển đổi số các sở, ban, ngành tỉnh; Thành lập Ban chỉ đạo Chuyển đổi số các địa phương do người đứng đầu chính quyền làm trưởng Ban, có sự tham gia của các đoàn thể	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	3/2022	Hoàn thành	Hoàn thành
2	HĐ2	Xây dựng và ban hành Kế hoạch triển khai chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng 2030.	Sở Thông tin và Truyền thông (tham mưu)	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các cơ quan, tổ chức liên quan	3/2022	Hoàn thành	Hoàn thành
3	HĐ3	Các sở, ban, ngành, địa phương, tổ chức, đoàn thể xây dựng, triển khai kế hoạch/chương trình chuyển đổi số toàn diện của đơn vị, địa phương.	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các cơ quan, tổ chức liên quan	Sở Thông tin và Truyền thông	3/2022	Hoàn thành	Hoàn thành
4	HĐ12	Điều chỉnh hoàn thiện quy định cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng toàn diện đảm bảo các điều kiện pháp lý cho người dân, doanh nghiệp khi tham gia cũng như các chế tài đủ mạnh để vận hành trong hệ thống cơ quan nhà nước	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2023	Hoàn thành	Hoàn thành
B	NTS	PHÁT TRIỂN NỀN TẢNG CHO CHUYỂN ĐỔI SỐ					

TT	Mã nhiệm vụ/Hành động	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến Kết quả thực hiện đến hết 2024	Đánh giá (Hoàn thành/Chưa hoàn thành)
I	NTS1	Phát triển hạ tầng số dùng chung					
1	NTS1.1	Phát triển Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh					
2	NTS1.2	Phát triển hạ tầng mạng băng rộng					
3	NTS1.3	Phát triển hạ tầng mạng IoT dùng chung toàn tỉnh					
II	NTS2	Phát triển kho dữ liệu dùng chung và dữ liệu mở của tỉnh					
1	HĐ1	Xây dựng, triển khai Kho dữ liệu dùng chung cấp tỉnh đảm bảo cho phép thu thập, tổng hợp, chuẩn hóa, làm sạch và phân tích, xử lý dữ liệu từ các nguồn dữ liệu của tỉnh và ngoài tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Từ 2022	Theo KH UBND tỉnh	Theo KH UBND tỉnh
2	HĐ2	Xây dựng Cổng dữ liệu mở, tạo lập và cung cấp/công bố dữ liệu mở của tỉnh qua Cổng dữ liệu mở để các cơ quan nhà nước, công dân, doanh nghiệp có thể truy cập, khai thác, sử dụng khi cần thiết theo quyền hạn (ưu tiên Cơ sở dữ liệu đất đai; Cơ sở dữ liệu quản lý cán bộ, công chức; Cơ sở dữ liệu quản lý các sáng kiến, đề tài, nhiệm vụ khoa học; Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, doanh nghiệp khoa học công nghệ; Cơ sở dữ liệu chuyên gia, các nhà khoa học...); định hướng cung cấp cho người dân và doanh nghiệp kịp thời theo phương thức một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số trong nền kinh tế; có khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu đến Cổng dữ liệu mở quốc gia	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Từ 2022	Theo KH UBND tỉnh	Theo KH UBND tỉnh
III	NTS3	Xây dựng, triển khai nền tảng số dùng chung					
1	HĐ2	Tham mưu triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2023	Cơ bản hoàn thành (02 mô hình triển khai)	Cơ bản hoàn thành

TT	Mã nhiệm vụ/Hành động	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến Kết quả thực hiện đến hết 2024	Đánh giá (Hoàn thành/Chưa hoàn thành)
2	HĐ4	Triển khai các nền tảng số quốc gia theo Quyết định số 186/QĐ-BTTTT ngày 11/02/2022 của Bộ trưởng Bộ TTTT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2025	Cơ bản hoàn thành	Cơ bản hoàn thành
IV	NTS4	Bảo đảm quốc phòng - an ninh và an toàn, an ninh mạng					
1	HĐ1	Tổ chức kiểm tra, đánh giá và xác định cấp độ an toàn thông tin và xây dựng bổ sung và thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp độ an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin quan trọng của tỉnh đảm bảo định kỳ theo quy định.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025	Chưa hoàn thành	Chưa hoàn thành
2	HĐ5	Phổ cập danh tính số toàn dân khi Trung ương triển khai. Người dân có thể dễ dàng chứng minh danh tính thật trên môi trường số, sử dụng các dịch vụ số một cách trọn vẹn, không cần hiện diện trực tiếp.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2023	Hoàn thành	Hoàn thành
V	NTS5	Phát triển nguồn nhân lực (Chính quyền, doanh nghiệp, người dân)					
1	HĐ3	Xây dựng chương trình đào tạo về chuyển đổi số để giáo viên và học sinh có các kỹ năng số trong đó, phấn đấu 100% đội ngũ cán bộ quản lý, giảng dạy từ bậc tiểu học trở lên được đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số, có kỹ năng số để trở thành lực lượng nòng cốt góp phần hình thành công dân số.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đại học Hạ Long, Trường, Cao đẳng Việt - Hàn Quảng Ninh, Sở TTTT và các cơ sở giáo dục...	2022-2023	Chưa hoàn thành	Chưa hoàn thành
2	HĐ7	Cập nhật và đổi mới giáo trình, chương trình đào tạo công nghệ số phù hợp với xu hướng CMCN 4.0; chú trọng gắn với công nghệ số như trí tuệ nhân tạo (AI), khoa học dữ liệu, dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây (Cloud Computing), Internet vạn vật (IoT), thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR), chuỗi khối (Blockchain), in ba chiều (3D Printing). Đẩy mạnh đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với tăng quy mô và chất lượng dân số của tỉnh,	Đại học Hạ Long, Trường Cao đẳng Việt - Hàn Quảng Ninh...	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2025	Hoàn thành	Hoàn thành

TT	Mã nhiệm vụ/Hành động	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến Kết quả thực hiện đến hết 2024	Đánh giá (Hoàn thành/Chưa hoàn thành)
		trong đó tập trung đẩy mạnh chuyên ngành đào tạo về CNTT; phối hợp với các cơ quan chính quyền và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để tạo chuỗi liên kết lao động sau đào tạo.					
3	HĐ10	Tuyên truyền Khung kỹ năng số quốc gia và hướng dẫn sử dụng Nền tảng học trực tuyến mở về kỹ năng số (MOOC) phù hợp với Khung kỹ năng số quốc gia, cho phép người dân tự học kỹ năng số và tự kiểm tra, đánh giá kỹ năng số cơ bản miễn phí	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2023	Hoàn thành	Hoàn thành
C	CQS	PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ					
I	CQS1	Phát triển hạ tầng Chính quyền số					
1	HĐ3	Nâng cấp hệ thống mạng LAN tại các cơ quan, đơn vị từ cấp tỉnh đến cấp xã và đảm bảo các trang thiết bị đầu cuối (máy tính, máy in...) hoạt động ổn định.	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2023	Hoàn thành	Hoàn thành
2	HĐ5	Đảm bảo cơ sở vật chất cho các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính	Hàng năm	Hoàn thành	Hoàn thành
II	CQS2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ thông minh, tiện ích phục vụ người dân và doanh nghiệp					
III	CQS3	Phát triển, hoàn thiện các hệ thống thông tin nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, chỉ đạo, điều hành của hệ thống chính trị toàn tỉnh					
1	HĐ5	Phát triển, triển khai các hệ thống thông tin chuyên ngành/ứng dụng số phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, chuyên môn nghiệp vụ riêng của từng, ngành, lĩnh vực theo yêu cầu quản lý, thực hiện các mục tiêu của Đề án	Các sở, ban, ngành	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính	2022-2024	Hoàn thành	Hoàn thành
IV	CQS4	Số hoá, xây dựng cơ sở dữ liệu và sử dụng dữ liệu hiệu quả trong hoạt động của các cơ quan đảng, mặt trận tổ quốc, tổ chức đoàn thể và các cấp chính quyền					

TT	Mã nhiệm vụ/Hành động	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến Kết quả thực hiện đến hết 2024	Đánh giá (Hoàn thành/Chưa hoàn thành)
1	HĐ1	Số hóa kết quả thủ tục hành chính còn hiệu lực; sử dụng ít nhất 10 loại dữ liệu số chuyên ngành (Dân cư, Doanh nghiệp, Đất đai, Giao thông, Xây dựng, Tài nguyên môi trường, Tư pháp, Thuế...) để thay thế thành phần hồ sơ phải nộp trong cung cấp dịch vụ công	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2023	Hoàn thành	Hoàn thành
2	HĐ2	Số hóa toàn bộ các văn bản chỉ đạo điều hành, quản lý, lưu trữ, hồ sơ của các cơ quan đảng, nhà nước, tổ chức, đoàn thể từ năm 2010 trở lại đây	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		2022-2023	Hoàn thành	Hoàn thành
3	HĐ3	Kết nối, liên thông các hệ thống thông tin của tỉnh với cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư, Đất đai, Đăng ký doanh nghiệp, VBQPPL, Tài chính, Bảo hiểm, HTTT Đăng ký và quản lý Hộ tịch, Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến, Nền tảng tiêm chủng COVID-19, Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách, HTTT quản lý danh mục điện tử dùng chung, Liên thông tài nguyên môi trường - Thuế, Hệ thống phục vụ dịch vụ công của VNPost, Hệ thống mã bưu chính (Vpostcode)	Các sở, ban, ngành	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2023	Hoàn thành	Hoàn thành
4	HĐ6	Hoàn thành việc xây dựng và triển khai cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị, để quản lý đồng bộ, thống nhất, minh bạch, kịp thời tạo nguồn dữ liệu cốt lõi cho phát triển Chính quyền số	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và địa phương	2022	Hoàn thành	Hoàn thành
5	HĐ9	Xây dựng CSDL chuyên ngành của tỉnh, ưu tiên các ngành trọng tâm ưu tiên chuyển đổi số hoàn thành trước năm 2025 (Y tế, Giáo dục, Du lịch, Đất đai, Giao thông, Công Thương, Tài chính, Tài nguyên môi trường, Xúc tiến đầu tư, Xây dựng, Cán bộ công chức viên chức, Nông nghiệp, Tư pháp...). Xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý cấp tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025	Hoàn thành	Hoàn thành
6	HĐ10	Hoàn thành triển khai CSDL giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ninh; số hóa hồ sơ, tài liệu, bằng, học liệu...	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2023	Hoàn thành	Hoàn thành triển khai

TT	Mã nhiệm vụ/Hành động	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến Kết quả thực hiện đến hết 2024	Đánh giá (Hoàn thành/Chưa hoàn thành)
						triển khai CSDL, số hóa hồ sơ	CSDL, số hóa hồ sơ
V	CQS5	Xây dựng đô thị thông minh					
1	HD3	Mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương lựa chọn, thí điểm một (01) mô hình “chuyển đổi số” và hướng đến nhân rộng ra toàn tỉnh.	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2024	Hoàn thành 01 mô hình, đang triển khai mô hình thứ 2	Cơ bản hoàn thành
D	KTS	PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ					
I	KTS1	Phát triển kinh tế số trong công nghiệp					
II	KTS2	Chuyển đổi số trong lĩnh vực giao thông vận tải và logistic					
III	KTS3	Phát triển cửa khẩu số					
VI	KTS4	Chuyển đổi số trong Du lịch					
V	KTS5	Phát triển kinh tế số trong Tài chính - Ngân hàng					
VI	KTS6	Phát triển ngành công nghiệp ICT và các doanh nghiệp công nghệ số					
VII	KTS7	Chuyển đổi số trong nông nghiệp					
E	XHS	PHÁT TRIỂN XÃ HỘI SỐ					
I	XHS1	Chuyển đổi số trong Y tế, chăm sóc sức khỏe					
II	XHS2	Chuyển đổi số trong Giáo dục và Đào tạo					
1	HD1	Đổi mới nội dung và chương trình giáo dục, phát triển giáo dục STEM, giáo dục kỹ năng số, giáo dục đổi mới sáng tạo, tận dụng công nghệ số để gia tăng khả năng tiếp	Sở Giáo dục và Đào tạo, Các cơ sở đào tạo	- Các sở, ban, ngành;	2022-2025	Hoàn thành	Hoàn thành

TT	Mã nhiệm vụ/Hành động	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến Kết quả thực hiện đến hết 2024	Đánh giá (Hoàn thành/Chưa hoàn thành)
		cận giáo dục cho mọi đối tượng, nhất là người dân ở vùng khó khăn.					
		Số hóa tài liệu, giáo trình, xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến.		- UBND các huyện, thị xã, thành phố		Hoàn thành	Hoàn thành
2	HĐ2	Xây dựng hệ thống quản lý giáo dục thông minh trên cơ sở khai thác hiệu quả và đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu trên địa bàn tỉnh đã được đầu tư giai đoạn 2017-2020 thuộc Đề án triển khai mô hình thành phố thông minh và hệ thống của Bộ Giáo dục - Đào tạo.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các cơ sở đào tạo	2023	Hoàn thành	Hoàn thành
3	HĐ3	Phát triển, triển khai hệ sinh thái các ứng dụng số, nền tảng dạy học trực tuyến để cung cấp các dịch vụ số cho người dân trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.	Sở Giáo dục và Đào tạo, Các cơ sở đào tạo	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các cơ sở đào tạo	2022-2025	Chưa hoàn thành	Chưa hoàn thành
4	HĐ4	Nâng cao chất lượng quản lý, đào tạo của Trường Đại học Hạ Long từ chuyển đổi số	Đại học Hạ Long		2022-2023	Đang triển khai	Đang triển khai
6	HĐ6	Triển khai hoạt động đào tạo và các hoạt động huấn luyện về tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo lan tỏa rộng khắp từ học sinh, sinh viên đến các doanh nghiệp.	Trường Đại học Hạ Long, Tỉnh Đoàn, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở KHCN	Các cơ sở giáo dục	2022-2025	Hoàn thành	Hoàn thành (ĐH Hạ Long)
7	HĐ7	Triển khai Đề án Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong ngành giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025	Tiếp tục triển khai	Tiếp tục triển khai
III	XHS3	Chuyển đổi số trong Báo chí truyền thông					
III	XHS4	Hỗ trợ người dân chuyển đổi số					

TT	Mã nhiệm vụ/Hành động	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến Kết quả thực hiện đến hết 2024	Đánh giá (Hoàn thành/Chưa hoàn thành)
IV	XHS5	Phát triển, triển khai các ứng dụng số cung cấp tiện ích, phục vụ nhu cầu người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, bảo đảm an toàn, an ninh					
V	XHS6	Thúc đẩy hiện đại hóa trang thiết bị cho người dân và văn hóa số					

.....